

Số: 01/2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025



THÔNG TƯ
Quy định về cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi
Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

- Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép lần đầu của quỹ tín dụng nhân dân.
- Nguyên tắc, hồ sơ, trình tự cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân.
- Thẩm quyền cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc.
- Giấy phép, trình tự cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc.
- Nộp lệ phí cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép.
- Khai trương hoạt động.
- Việc thông báo thông tin về cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép

của quỹ tín dụng nhân dân cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ tín dụng nhân dân.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ban trù bị là một nhóm người do thành viên sáng lập lựa chọn thay mặt các thành viên sáng lập triển khai các công việc liên quan đến việc đề nghị cấp Giấy phép. Ban trù bị phải có tối thiểu 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên là Trưởng ban.

2. Ngân hàng Nhà nước Khu vực là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính.

3. Hội nghị thành lập là Hội nghị của các thành viên sáng lập quỹ tín dụng nhân dân, có nhiệm vụ:

a) Thông qua dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân; Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân; Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân nhiệm kỳ đầu tiên;

b) Bầu Ban trù bị, Trưởng ban trù bị từ những thành viên sáng lập là những người trong danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân nhiệm kỳ đầu tiên và một số thành viên khác để thay mặt các thành viên sáng lập triển khai các công việc liên quan đến đề nghị chấp thuận nguyên tắc việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước Khu vực có yêu cầu;

c) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

4. Giấy phép là Giấy phép thành lập và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân do Ngân hàng Nhà nước Khu vực cấp. Giấy phép đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

5. Đại hội thành viên đầu tiên là đại hội của tất cả các thành viên sáng lập quỹ tín dụng nhân dân được tổ chức sau khi được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận nguyên tắc việc thành lập, có nhiệm vụ:

a) Thông qua Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận;

c) Thông qua các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quỹ tín dụng nhân dân;

d) Thông qua chủ trương thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hoặc thuê Giám đốc;

đ) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 4. Thẩm quyền cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc đối với quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở chính đặt trên địa bàn.

Điều 5. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu phải do Trưởng ban trụ bị ký, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác. Các văn bản do Trưởng ban trụ bị ký phải có tiêu đề “Ban trụ bị thành lập quỹ tín dụng nhân dân ... (tên quỹ tín dụng nhân dân) đề nghị cấp phép”.

2. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp). Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc của quỹ tín dụng nhân dân được lập 01 bộ bằng tiếng Việt.

4. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, quỹ tín dụng nhân dân nộp bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

5. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

6. Hồ sơ cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép được nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

Điều 6. Giấy phép

1. Ngân hàng Nhà nước Khu vực quy định cụ thể nội dung hoạt động, địa bàn hoạt động, thời hạn hoạt động trong Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách nát, bị cháy, hư hỏng, quỹ tín dụng nhân dân có đơn đề nghị cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Khu vực hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân

hàng Nhà nước) đề nghị xem xét cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Ngân hàng Nhà nước Khu vực xem xét, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc cho quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 7. Nộp lệ phí cấp Giấy phép

1. Quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước Khu vực hoặc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép.

2. Mức lệ phí cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua.

3. Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua, trong đó nêu rõ:

a) Sự cần thiết thành lập quỹ tín dụng nhân dân;

b) Tên quỹ tín dụng nhân dân, địa bàn hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của pháp luật;

c) Cơ cấu tổ chức;

d) Quy định về quản lý rủi ro, trong đó nêu rõ các loại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, phương thức và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;

đ) Quy trình, chính sách cho vay đối với thành viên, người có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân, hộ nghèo trên địa bàn không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;

e) Công nghệ thông tin: Dự kiến hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ, quản trị và các yêu cầu báo cáo, thống kê; khả năng áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động

ngân hàng và việc đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin;

g) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, tối thiểu gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu phù hợp với nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó phân tích, thuyết minh tính hiệu quả và khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

4. Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân.

5. Tài liệu chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân gồm:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ, chuyên môn;

c) Phiếu lý lịch tư pháp, đảm bảo các quy định sau:

(i) Phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng.

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật;

d) Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm; văn bản đánh giá về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có đạo đức nghề nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã, đang công tác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

6. Danh sách các thành viên sáng lập quỹ tín dụng nhân dân. Danh sách phải được tất cả thành viên sáng lập ký xác nhận, có tối thiểu các nội dung sau:

a) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);

b) Sổ định danh cá nhân đối với thành viên là cá nhân; sổ định danh cá nhân của người đại diện gia đình đối với thành viên là hộ gia đình; mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương và sổ định danh cá nhân của người đại diện phần vốn góp đối với thành viên là pháp nhân;

c) Sổ tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên.

7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương (đối với thành viên là pháp nhân).

8. Văn bản ủy quyền của pháp nhân cho người đại diện của pháp nhân tham gia góp vốn.

9. Văn bản ủy quyền của hộ gia đình cho người đại diện hộ gia đình tham gia góp vốn.

10. Báo cáo tài chính năm liền kề năm đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm ký đơn đề nghị cấp Giấy phép (đối với thành viên là pháp nhân).

11. Báo cáo khả năng tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Đơn đề nghị tham gia thành viên theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quỹ tín dụng nhân dân.

13. Biên bản Hội nghị thành lập thông qua dự thảo Điều lệ; Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân và lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị.

14. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân đã được Đại hội thành viên đầu tiên quỹ tín dụng nhân dân thông qua;

b) Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội thành viên đầu tiên quỹ tín dụng nhân dân về việc thông qua Điều lệ, bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát; chủ trương thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hoặc thuê Giám đốc. Nghị quyết của Đại hội thành viên đầu tiên về việc thông qua Điều lệ phải được ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên tham dự. Nghị quyết của Đại hội thành viên đầu tiên về việc thông qua bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát; chủ trương thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hoặc thuê Giám đốc phải được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên tham dự;

c) Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân về việc bổ nhiệm Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân

hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận;

d) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính;

đ) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại điểm g(ii) khoản 3 Điều 8 Thông tư này đã được Đại hội thành viên đầu tiên, Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 9. Trình tự cấp Giấy phép lần đầu

1. Ngân hàng Nhà nước Khu vực khai thác các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi xem xét, thẩm định thông tin về cư trú. Trong trường hợp không khai thác được các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyền yêu cầu Ban trụ bị cung cấp bản sao một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng thông tin về cư trú để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

2. Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định từ khoản 1 đến khoản 13 Điều 8 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tại khoản này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.

3. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường hoặc Ủy ban nhân dân cấp cơ sở trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi quỹ tín dụng nhân dân đề nghị thành lập dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm cư trú về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân đề nghị thành lập;

c) Ngân hàng Nhà nước Khu vực khác đề nghị cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này (nếu thấy cần thiết);

d) Ngân hàng hợp tác xã về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân đề nghị thành lập (nếu thấy cần thiết).

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

5. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản trả lời Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận. Nội dung văn bản chấp thuận nguyên tắc bao gồm: chấp thuận nguyên tắc thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân; chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân.

6. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân:

a) Ban trù bị tổ chức cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên để thông qua các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này;

b) Ban trù bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 8 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước Khu vực không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực xác nhận bằng văn bản về việc nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

Điều 10. Khai trương hoạt động

1. Quỹ tín dụng nhân dân phải niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên đài truyền thanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính (nếu có) trong 03 ngày liên tiếp, công bố trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây:

- a) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính;
- b) Số, ngày cấp Giấy phép;
- c) Nội dung hoạt động, thời hạn hoạt động, địa bàn hoạt động;
- d) Vốn điều lệ;
- đ) Người đại diện theo pháp luật;
- e) Danh sách và tỷ lệ góp vốn tương ứng của từng thành viên sáng lập quỹ tín dụng nhân dân;
- g) Ngày dự kiến khai trương hoạt động.

2. Để khai trương hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân đã được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đã gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân được Đại hội thành viên đầu tiên thông qua;

b) Có đủ vốn điều lệ. Vốn điều lệ bằng đồng Việt Nam phải được gửi đầy đủ vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước Khu vực ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động. Vốn điều lệ được giải tỏa khi quỹ tín dụng nhân dân đã khai trương hoạt động;

c) Có trụ sở chính đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Là nơi làm việc của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật và được thực hiện giao dịch với khách hàng;

(ii) Nằm trên địa bàn hoạt động được quy định trong Giấy phép, có địa chỉ được xác định gồm tên tòa nhà, số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có);

(iii) Thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp của quỹ tín dụng nhân dân;

(iv) Đảm bảo thuận tiện giao dịch với khách hàng và có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

(v) Đảm bảo an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;

d) Có cơ cấu tổ chức quản lý, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại điểm e khoản 3 Điều 8 Thông tư này;

e) Có quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, bộ phận chuyên môn nghiệp vụ; quy định nội bộ về quản lý rủi ro;

g) Đã công bố thông tin về khai trương hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quỹ tín dụng nhân dân phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Giấy phép đã cấp hết hiệu lực. Ngân hàng Nhà nước công bố trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước về Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân hết hiệu lực.

4. Ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép phải thông báo bằng văn bản về các điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực. Ngân hàng Nhà nước Khu vực đình chỉ việc khai trương hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân khi không đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP

Điều 11. Nguyên tắc cấp đổi Giấy phép

1. Ngân hàng Nhà nước Khu vực không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà quỹ tín dụng nhân dân không được phép thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp đổi.

2. Ngân hàng Nhà nước Khu vực điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép thực hiện phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Giấy phép được cấp đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này thay thế tất cả các Giấy phép, các văn bản sửa đổi bổ sung Giấy phép có liên quan mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho quỹ tín dụng nhân dân đó trước thời điểm cấp đổi.

3. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Khu vực sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép trong đó bao gồm nội dung bổ sung theo đề nghị trên cơ sở quỹ tín dụng nhân dân đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự đề nghị cấp đổi Giấy phép

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung hoạt động (trường hợp quỹ tín dụng nhân dân đề nghị bổ sung nội dung hoạt động đồng thời với cấp đổi Giấy phép):

(i) Nghị quyết của Đại hội thành viên thông qua việc thay đổi nội dung hoạt động;

(ii) Phương án triển khai nội dung hoạt động, tối thiểu bao gồm các nội dung: Mô tả nội dung, quy trình thực hiện, phân tích hiệu quả và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, kế hoạch triển khai thực hiện; phương án xử lý, đảm bảo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã (trường hợp đề nghị chấp thuận thu hẹp nội dung hoạt động);

(iii) Quy định nội bộ về quy trình triển khai nghiệp vụ đảm bảo quản lý và kiểm soát rủi ro phát sinh;

(iv) Tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện liên quan đến nội dung hoạt động đề nghị theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Trình tự đề nghị cấp đổi Giấy phép:

a) Quỹ tín dụng nhân dân có nhu cầu cấp đổi Giấy phép lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Khu vực thực hiện việc cấp đổi Giấy

phép (bao gồm cả bổ sung nội dung hoạt động đồng thời với cấp đổi Giấy phép) theo đề nghị cho quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Khu vực trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 3

THÔNG BÁO THÔNG TIN VỀ CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP

Điều 13. Thông báo thông tin về cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép lần đầu, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm Giấy phép, thông tin về người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định về đăng ký hợp tác xã để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm Giấy phép cấp đổi cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định về đăng ký hợp tác xã để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm của Ban trụ bị

1. Lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu theo quy định tại Thông tư này.

2. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trụ bị có trách nhiệm:

a) Tổ chức cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 9 Thông tư này;

b) Thông báo cho các thành viên sáng lập gửi tiền vào tài khoản do Ban trụ bị mở tại một ngân hàng thương mại Việt Nam.

3. Hướng dẫn thành viên sáng lập thực hiện việc góp vốn và thẩm định hồ sơ của thành viên sáng lập.

4. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của nội dung hồ sơ đã nộp cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

5. Thông báo cho các thành viên sáng lập biết lý do không được cấp Giấy phép trong trường hợp không được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận.

Điều 15. Trách nhiệm của Trưởng Ban trụ bị

1. Triệu tập cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên theo quy định của pháp luật.

2. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền có liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân cho đến khi được Ngân hàng Nhà nước Khu vực cấp Giấy phép.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, Ban trụ bị theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

Điều 17. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo quy định tại Thông tư này về việc cấp đổi Giấy phép và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

2. Quỹ tín dụng nhân dân phải niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên đài truyền thanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính (nếu có) trong 03 ngày liên tiếp, công bố trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam về việc cấp đổi Giấy phép trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Khu vực cấp đổi Giấy phép và thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép cấp đổi.

3. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân trước khi chấp thuận nguyên tắc và có văn bản gửi Ban trụ bị để xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ.

2. Cấp Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân nếu đủ điều kiện và đảm bảo đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này hoặc có văn bản từ chối không cấp Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân (trong đó nêu rõ lý do).

3. Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép.

4. Kiểm tra, chỉ đạo, giám sát quỹ tín dụng nhân dân thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động.

5. Đình chỉ quỹ tín dụng nhân dân khai trương hoạt động trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động.

6. Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân. Cấp đổi Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân hoặc có văn bản từ chối không cấp đổi Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân (trong đó nêu rõ lý do).

7. Có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước để công bố trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước về Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm của ngân hàng hợp tác xã

Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân khi Ngân hàng Nhà nước Khu vực yêu cầu.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2025.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. / Đuôi

Nơi nhận:

- Như Điều 21;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, ATHT4. ph

**THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn